

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nguyên**.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Y**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: KDC K, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L1, xã N, thị xã M, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Liên bang Nga.

Vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Phùng Thị Y** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hải Dương vào ngày 12/12/2000 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của

địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì anh Q (T) đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Nga. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, từ năm 2013 gần như không liên lạc với nhau nữa, chị yêu cầu anh Q (T) về nước để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không về, vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn từ đó. Năm 2017, chị tiếp tục liên lạc và yêu cầu anh Q (T) về nước, nếu không về chị sẽ nộp đơn xin ly hôn nhưng anh Q (T) vẫn không về và bảo chị ở nhà cứ làm đơn ly hôn một phía. Vì con cái, chị kiên trì chờ đợi nhưng đến nay dường như anh chưa có ý định về nước. Vợ chồng sống ly thân thời gian quá dài, tình cảm vợ chồng nguội lạnh và không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn T).

Ngoài ra chị Y trình bày: Chồng chị khi khai sinh có họ và tên là Nguyễn Văn Q nhưng do trùng tên với bác trưởng họ nên gia đình nhà chồng đã đổi tên là Nguyễn Văn T. Do bố mẹ chồng chết sớm nên anh không quản lý được giấy khai sinh, khi làm các thủ tục hành chính anh Q (T) không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh nên đã khai sinh ngày 18/5/1979. Chị khẳng định anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/9/1980 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/5/1979 là cùng một người.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị S, sinh ngày 22/01/2002, hiện con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Y không cung cấp được địa chỉ của Q (T) nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Q (T). Cháu Nguyễn Thị S (con gái chị Y và anh Q (T)) trình bày: Cháu không biết địa chỉ cụ thể của anh Q (T) tại Cộng hòa liên bang Nga nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q (T) vẫn liên lạc điện thoại với cháu. Cháu đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Q (T) biết, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị Y trình bày là đúng, con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra cháu Sen trình bày, bố cháu có họ và tên là Nguyễn Văn T, ngoài ra bố cháu nói có họ tên khi khai sinh là Nguyễn Văn Q, nhưng do họ, tên của bố cháu trùng với ông trưởng họ nên bố cháu phải đổi tên là Nguyễn Văn T.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn S1 là cậu ruột anh Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn T) trình bày: Năm 1977 - 1978, bố mẹ anh Q là bà Nguyệt Thị Q1 (chị gái ông) và ông Nguyễn Văn Q2 vào Gia Lai, Kon Tum làm ăn phát triển kinh tế và sinh được hai người con là anh Q (T), từ nhỏ và trong giấy khai sinh anh có họ và tên là Nguyễn Văn Q và em trai là Nguyễn Văn H. Năm 1988, mẹ anh chết sau đó hai năm bố anh cũng chết, ông đón anh em anh về ở cùng. Do ông trưởng họ có tên là Nguyễn Văn Q, tên của anh trùng với tên của ông trưởng họ nên gia đình phải đổi tên là Nguyễn Văn T. Ông khẳng định Nguyễn

Văn Q và Nguyễn Văn T là cùng một người và sinh năm 1980 mới là đúng. Anh Q (T) và chị Phùng Thị Y được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2009 - 2010 thì anh Q (T) đi lao động tại Liên bang Nga, từ khi đi đến nay anh chưa về nước, vợ chồng sống xa cách quá lâu, tình cảm vợ chồng không gần gũi, gắn bó. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông là trưởng họ, anh Q (T) từ nhỏ có họ và tên là Nguyễn Văn Q (con ông Nguyễn Văn Q2 và bà Nguyễn Thị Q1), do cả họ và tên trùng với tên của ông nên gia đình đã đổi tên cho anh là Nguyễn Văn T để tránh trùng tên. Sau khi đổi tên thì mọi người thường gọi anh là Nguyễn Văn T. Ông khẳng định anh Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T là cùng một người và có vợ là chị Phùng Thị Y là đúng. Anh T kết hôn với chị Y và sinh sống tại địa phương, sau khi kết hôn được một thời gian Anh T đi lao động tại Liên bang Nga đến nay hơn 10 năm chưa về nước, mẹ con chị Y cũng đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã M nơi chị Y và anh Q (T) đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Hồ sơ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã thể hiện người làm đơn đăng ký kết hôn với chị Phùng Thị Y là anh Nguyễn Văn Q, công dân xóm 5, thôn L1, xã N, người ký đơn là Nguyễn Văn T và Phùng Thị Y. Trên hệ thống sổ sách đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã N không có trường hợp anh Nguyễn Văn T thực hiện việc đăng ký kết hôn. Trên thực tế có chị Phùng Thị Y sinh sống cùng với anh Nguyễn Văn T tại địa phương và có 01 con chung là Nguyễn Thị S. Anh T đi lao động ở nước ngoài thời gian đã lâu không về nước. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Qua xác minh ông Vũ Văn L2 cung cấp: Thời điểm năm 2000 ông làm Phó Công an xã kiêm Tư pháp hộ tịch, ông có thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn Q, khi đăng ký kết hôn anh Q có xuất trình giấy khai sinh (là giấy tờ hợp lệ), nhưng thời gian đã lâu ông không nhớ có thu thập giấy khai sinh trong hồ sơ hay không. Theo giấy khai sinh và hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/9/1980, quê quán: N, M, Hải Dương, họ tên bố là Nguyễn Văn Q2, họ tên mẹ là Nguyễn Thị Q1. Khi thực hiện việc đăng ký kết hôn anh Q có viết đơn xin đăng ký hôn, đơn viết là Nguyễn Văn Q nhưng lại ký đơn là Nguyễn Văn T. Anh Q trình bày do trùng tên với ông Nguyễn Văn Q nên phải đổi tên là Nguyễn Văn T, anh Q (T) thực hiện việc đăng ký kết hôn với chị Phùng Thị Y, sinh năm 1982, quê quán: K, L, Hải Dương vào ngày 12/12/2000. Ông khẳng định anh Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T là cùng một người và có đăng ký kết hôn với chị Phùng Thị Y là đúng.

Theo thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và tra cứu tại Tàng thư Căn cước công dân, Công an xã N và phòng Cảnh sát Quản lý hành

chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Hải Dương cung cấp thể hiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 có họ và tên bố là Nguyễn Văn Q2, mẹ là Nguyễn Thị Q1 và vợ là Phùng Thị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Y ly hôn anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T). Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phùng Thị Y sinh sống tại Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn L1, xã N, thị xã M, tỉnh Hải Dương, hiện anh Q (T) đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Q (T) tại Liên bang Nga. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho cháu Sen là con của anh Q (T), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Q (T) cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về nhân thân của anh Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn T): Tại hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện người làm đơn là anh Nguyễn Văn Q nhưng ký đơn lại là Nguyễn Văn T và theo lời khai của những người làm chứng thể hiện khi còn nhỏ và trong giấy khai sinh anh Q (T) có họ và tên là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/9/1980 nhưng do trùng tên với bác trưởng họ cũng có họ tên là Nguyễn Văn Q nên phải đổi tên là Nguyễn Văn T. Qua lời khai của những người thân trong gia đình cũng thể hiện ngoài tên Nguyễn Văn T thì anh còn có họ tên là Nguyễn Văn Q. Anh Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn T) đều có quê quán: N, M, Hải Dương cùng có họ và tên bố là Nguyễn Văn Q2, họ và tên mẹ là Nguyễn Thị Q1 và vợ là Phùng Thị Y. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định anh Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T là cùng một người. Ngày tháng năm sinh có sự nhầm lẫn là do bố

mẹ chết sớm, giấy khai sinh bị thất lạc nên khi làm các thủ tục về nhân thân khai không có sự thống nhất.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Y và anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hải Dương vào ngày 12/12/2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì anh Q (T) đi lao động tại Liên bang Nga. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau hai năm vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau, chị Y yêu cầu anh Q (T) về nước để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không về, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng. Năm 2017 chị tiếp tục yêu cầu anh về nước nhưng anh không về. Vợ chồng sống xa cách từ năm 2011 cho đến nay, thời gian quá dài, chị nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh Q (T). Thông qua gia đình, anh Q (T) cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh Q (T) đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Y ly hôn anh Q (T) là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ con chung: Chị Phùng Thị Y và anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) có 01 con chung là Nguyễn Thị S, sinh ngày 22/01/2002, hiện con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh Q (T) xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Y ly hôn anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T).
2. Về quan hệ con chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001124 ngày 13/7/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, thị xã M, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)